



chāi shì

差事

noun · errand, assignment, job

Example Sentences

Lǎo bǎn pài tā qù wài dì bàn yī jiàn zhòng yào de chāi shì
老板派他去外地办一件重要的差事。

The boss sent him to another city on an important errand.

Zhè fèn chāi shì suī rán xīn kǔ dàn shōu rù bù cuò
这份差事虽然辛苦，但收入不错。

This job is hard, but the pay is good.

Trace each character, then write the word on your own.

差	差	差	差	差	差	差	差	差	差	差
差										
事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事